

KHAI THÁC DI SẢN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÙ KÊ TRONG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH TRÀ VINH

Ngô Hoàng Đại Long¹
Nguyễn Văn Cần²

TÓM TẮT

Sản phẩm văn hóa là sản phẩm của lịch sử và luôn mang dấu ấn của thời đại. Hiện nay, nhiều sản phẩm văn hóa mới ra đời phục vụ cuộc sống và phát triển hoạt động du lịch. Hoạt động du lịch sẽ tạo nên các sản phẩm du lịch. Việc tạo nên các sản phẩm du lịch từ văn hóa chính là thành quả của “văn hóa du lịch và nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer chính là bản sắc vùng đất Trà Vinh”. Bài viết dưới đây sẽ làm rõ nội dung này.

Từ khoá: sản phẩm du lịch, Dù kê, sản phẩm văn hoá, văn hoá du lịch, Trà Vinh

ABSTRACT

Culture closely connects to history and bears contemporary stamp. Nowadays, many cultural products are for serving spiritual life and tourism development. Tourism will bring about its product. The tourism product made from culture is the result of tourism culture and Khmer Du ke theatre is a character of Tra Vinh. This article will analyze clearly this content.

Keywords: tourism product, Du ke, cultural products, tourism culture, Tra Vinh

1. DẪN NHẬP

Trà Vinh là tỉnh duyên hải Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích 2.288.09 km² với dân số là 1.012.648 người (theo Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2011), bao gồm một thành phố trực thuộc tỉnh và bảy huyện, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vĩnh Long, phía Nam giáp Sóc Trăng, phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre, có 65 km bờ biển. Trà Vinh cách thành phố Hồ Chí Minh 200 km đi bằng quốc lộ 53, khoảng cách chỉ còn 130 km nếu đi bằng quốc lộ 60, cách thành phố Cần Thơ 95 km.

Tỉnh Trà Vinh là vùng địa lý cộng cư của ba dân tộc chính là Kinh, Khmer, Hoa và một số ít các dân tộc khác. Trong đó, người Kinh có tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu dân số của tỉnh với 684.119 người chiếm 67,5% dân số của tỉnh. Đồng bào Khmer ở Trà Vinh có 320.292 người (chiếm 31,63%), đồng thứ hai cả nước sau tỉnh Sóc Trăng

Đây là một vùng văn hóa với những đặc trưng độc đáo và khác biệt so với các tiểu vùng văn hóa khác trong vùng văn hóa Tây Nam Bộ. Vì khi nhắc vùng đất Trà Vinh, người ta nghĩ ngay đến những ngôi chùa Khmer độc đáo đậm chất huyền bí, bên cạnh đó là những lễ hội truyền thống: Chol

Chnam Thmay, Ok Om Bok, Dolta... và âm thực đa sắc màu như: chính sự cộng cư của ba dân tộc Kinh – Hoa – Khmer đã tạo nên vùng đất Trà Vinh rất phong phú và đặc trưng. Nhưng có lẽ, điều đặc biệt vẫn sinh tồn và phát triển một cách bền bỉ với thời gian và không gian của người Khmer nơi đây, đó chính là: nghệ thuật sân khấu Dù kê, múa Lâm Thol, vũ điệu Apsara với dàn nhạc ngũ âm của họ. Đặc biệt, Dù kê - nghệ thuật sân khấu độc đáo của đồng bào dân tộc Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và vùng đất Trà Vinh nói riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế như hiện nay thì vấn đề bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc, cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer là một yêu cầu cấp thiết. Đồng thời, đây cũng là thời điểm cần phát huy hơn nữa những giá trị văn hóa ra bên ngoài, quảng bá hơn nữa tính sự đa dạng, độc đáo và bản sắc văn hóa của Trà Vinh nói riêng và Việt Nam nói chung ra ngoài phạm vi vùng, khu vực và thế giới.

Hoạt động du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng, độc đáo của vùng chính là kênh văn hóa quan trọng để chuyển tải những nét độc đáo ra bên ngoài, đồng thời thông qua du lịch sẽ góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa

¹ Trung tâm Nghiên cứu Biển & Đảo, ĐH KHXH&NV TP. HCM
² Khoa Du lịch & Việt Nam học, ĐH Nguyễn Tất Thành

bản địa. Dù kê - nghệ thuật sân khấu độc đáo của đồng bào dân tộc Khmer trong thực tiễn hoạt động du lịch hiện nay, là một giá trị văn hóa vùng đặc sắc và độc đáo cần thiết có chiến lược đưa vào hoạt động nhằm khai thác và bảo tồn có hiệu quả nhìn từ góc độ du lịch.

2. Di sản văn hóa nghệ thuật Dù kê

2.1. Di sản văn hóa

Luật Di sản văn hóa định nghĩa: “*Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta*”³. Nói cách khác, di sản văn hóa, đó là một “tài sản quý giá”, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Việc sử dụng được nhân tố quý giá đó trong nỗ lực phát triển của mỗi vùng đất hiện nay, ấy mới là một sự phát triển bền vững, lâu dài.

Trước hết cần phải nhìn nhận di sản văn hóa là một trong những yếu tố làm nên cái thần, cái hồn của vùng đất. Có thể có nhiều du khách trong và ngoài nước đến với Trà Vinh vì vẻ đẹp thiên nhiên mà tạo hóa đã ban tặng cho Trà Vinh, nhưng cũng có không ít người đến với Trà Vinh bởi đây vùng đất cổ kính với những loài hình nghệ thuật như: sân khấu Dù kê, múa Lâm Thol, vũ điệu Apsara với dàn nhạc ngũ âm của họ. Tất cả đã làm nên một vùng đất không chỉ đẹp, thơ mộng mà còn đi vào lòng người bởi những nét đẹp văn hóa – lịch sử hội tụ của những con người nơi đây.

Di sản văn hóa bao gồm toàn bộ những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể mang bản sắc đặc trưng của mỗi địa phương. Bản sắc văn hóa của vùng đất ấy sẽ cuốn hút du khách đến trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu để làm giàu cho hành trang tri thức của mình.

Di sản văn hóa và phát triển du lịch có mối quan hệ tương tác, gắn bó hữu cơ: di sản văn hóa là nguồn vốn, là cơ sở để du lịch khai thác làm giàu; còn du lịch, đến lượt mình, sẽ có tác dụng quảng bá, tôn lên các giá trị văn hóa của di sản, góp phần giữ gìn và phát huy di sản.

Di sản văn hóa là linh hồn của các điểm đến du lịch, là yếu tố quan trọng để cấu thành sản phẩm

du lịch của điểm đến làm tăng lên nhiều lần giá trị của khu vực. Ngược lại, nếu không có du lịch khai thác, quảng bá, biến thành những sản phẩm độc đáo để thu hút du khách thì di sản văn hóa sẽ thiếu đi sức sống, không có cơ hội phát lộ những giá trị đích thực của nó. Vì vậy, sự phát triển của du lịch không thể tách rời với di sản văn hóa và du lịch văn hóa chính là cầu nối để di sản đó đến gần hơn với du khách thập phương.

2.2. Nghệ thuật sân khấu Dù kê

*Nghệ thuật Dù kê của đồng bào Khmer còn có tên gọi khác là Lakhôn Bassác, nghĩa là kịch hát của người Khmer ở vùng sông Bassác (sông Hậu)*⁴.

Sân khấu kịch Khmer Nam Bộ hiện nay có hai loại hình chính là Rô băm và Dù kê. Nếu như loại hình nghệ thuật sân khấu Rô băm hình thành từ xa xưa có nguồn gốc từ Campuchia thuộc thể loại kịch múa cổ điển, có nguồn gốc từ biểu diễn phục vụ cung đình, đòi hỏi tuân thủ nhiều qui tắc như: kịch bản, trang phục, trình độ biểu diễn và đòi hỏi trình độ thưởng thức cao...

Trong khi đó, loại hình nghệ thuật Dù kê do chính cộng đồng người Khmer ở ĐBSCL sáng tạo nên vào khoảng đầu thế kỷ XX thuộc thể loại ca kịch dân gian trên cơ sở kế thừa những loại hình nghệ thuật đã có trước đó như Rô băm, Di kê... ảnh hưởng lớn bởi sự giao thoa văn hóa giữa người Khmer Nam Bộ với người Kinh và người Hoa trên địa bàn... Các vở diễn của loại hình nghệ thuật này luôn mang những triết lý nhân văn sâu sắc và đậm đà bản sắc dân tộc. Ví dụ như: “Linh-thôn”, “Sac-kinh-ni”, “Thạch Sanh chém Chằn”, “Tám Cám”, “Nàng Túp Sơn Hoa”...

Dù kê là loại hình sân khấu ca kịch có cốt truyện rõ ràng, được kết cấu theo chương hồi. Một vở Dù kê được phát triển trên nền nhạc ca hát, đối thoại và động tác diễn. Điểm đặc biệt là mỗi lời hát đều kèm theo các điệu múa, sự kết hợp giữa tay và chân. Nhạc cụ cho một vở Dù kê khá nhiều như: đờn Trô-sô (đờn cò), Khum (Tam thập lục Khmer), Tà-khê (đờn cá sấu), dàn Pun-pét (dàn nhạc ngũ âm)... Nghệ thuật Dù kê vốn sinh ra từ nhân dân lao động vùng ĐBSCL nên khi tấu lên có giai điệu mượt mà, khi rộn ràng, vui tươi khi sâu lắng, bi ai

³ Tìm hiểu pháp luật: Luật Di sản văn hóa, (2008), NXB Tổng hợp TP HCM, tr 7.

⁴ Theo Trang thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc: <http://cema.gov.vn/modules.php?name=News&op=detailsnews&mid=4889>

nên có sức hút đặc biệt và đi vào lòng người.

Nội dung các vở Dù kê đều đề cao đạo lý làm người, hướng thiện, ca ngợi điều tốt đẹp, thiện lương; lên án cái ác, cái xấu. Cộng đồng người Khmer vốn rất tin ngưỡng đạo Phật nên trong mỗi vở Dù kê đều mang đậm những triết lý của nhà Phật, mang tính giáo dục cao. Trong đó, sợi chỉ đỏ xuyên suốt vẫn là triết lý “Ác lai ác báo”, “Ở hiền gặp lành”.

3. Di sản văn hóa nghệ thuật Dù kê trong phát triển sản phẩm du lịch Trà Vinh

Hiện nay Tổng cục Thống kê Việt Nam vẫn đánh đồng du lịch và khách sạn nhà hàng là một. Luật Du lịch được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2005 qui định: “*Sản phẩm du lịch (SPDL) là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch*”. Các dịch vụ đó là: Dịch vụ lữ hành, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú ăn uống; vui chơi giải trí, thông tin hướng dẫn và những dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Theo tác giả, quan điểm khác nhau sẽ ảnh hưởng khác nhau tới việc phát triển sản phẩm. Nếu theo Luật du lịch thì SPDL vẫn chỉ đơn thuần là hoạt động của các ngành dịch vụ. Trên thực tế, nội dung của hoạt động du lịch đa dạng và phong phú hơn nhiều.

Theo Michael M. Coltman: “*SPDL là một tổng thể bao gồm các thành phần không đồng nhất hữu hình và vô hình. SPDL có thể là một món hàng cụ thể như thức ăn, hoặc một món hàng không cụ thể như chất lượng phục vụ, bầu không khí tại nơi nghỉ mát*”.

Hiện nay, khái niệm SPDL đã được mở rộng hơn rất nhiều. Theo John Wiley quan niệm: “*Một khi điểm đến được mời chào bán tức là một điểm mà khách du lịch mong muốn được đến thăm, thì phải được phát triển sản phẩm một cách tổng thể*”.

Nói một cách khác thì du lịch với tính chất là một ngành du lịch tổng hợp, phát triển không chỉ dựa trên cơ sở vật chất của bản thân nó mà còn phải dựa trên điều kiện kinh tế - xã hội cũng như trình độ phát triển của nhiều ngành kinh tế khác nữa như: thương mại, hàng không, cảng biển,...

Quá trình đi du lịch, du khách không chỉ hưởng thụ các giá trị của ngành du lịch thông qua các

tuyến và điểm tham quan du lịch mà còn được tiếp cận với rất nhiều hoạt động khác nhau, các môi trường không gian khác nhau tại điểm đến như: các trung tâm chính trị và văn hoá của đô thị; các khu ở và hoạt động sinh sống của dân cư, các khu công nghiệp và hoạt động khai thác, ... đó là các giá trị mà du khách được cảm nhận và hưởng thụ một cách tự nhiên mà không phải trả tiền.

Tuy vậy, nếu các hoạt động này tốt sẽ làm tăng rất nhiều giá trị hấp dẫn cho một điểm đến, tạo ra khả năng kích thích nhu cầu của thị trường khách và ngành du lịch sẽ thu được lợi nhuận lớn từ du khách thông qua các hoạt động hỗ trợ này.

Vì vậy, sự phát triển của ngành du lịch đòi hỏi sự đầu tư một cách đồng bộ cho các điều kiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất cho điểm đến. Ngược lại, sự phát triển của du lịch sẽ thúc đẩy sự phát triển của những ngành kinh tế liên quan và ngược lại, sự phát triển của các ngành kinh tế khác cũng có tác động trở lại đối với du lịch. Vì vậy ngoài doanh thu trực tiếp của ngành du lịch, các ngành kinh tế khác cũng gián tiếp thu được lợi nhuận từ du khách.

Như vậy, là theo thời gian, khái niệm về SPDL đã có góc nhìn ngày càng mở rộng hơn: từ chỗ chỉ xem SPDL là một số loại hình kinh doanh dịch vụ, đến nay SPDL đã trở thành một khái niệm rất rộng, được cấu thành bởi nhiều yếu tố vật chất và phi vật chất có khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng đa dạng của con người đương đại⁵.

Do đó, trên cơ sở phân tích các khái niệm về SPDL dựa vào bản chất của hoạt động du lịch là đáp ứng nhu cầu thay đổi không gian sống hiện tại để khám phá các không gian mới lạ của con người. Vì vậy, yêu cầu thiết yếu nhất đối với các SPDL là phải thể hiện được nét đặc trưng độc đáo của không gian du lịch (hay còn gọi là không gian của điểm đến), giúp cho du khách cảm nhận được sâu sắc các giá trị văn hoá và tự nhiên của không gian đó.

Nếu tiếp cận ở khía cạnh của du khách chúng ta sẽ nhận thấy: SPDL là khái niệm rất rộng, nó không đơn thuần chỉ là tập hợp các dịch vụ du lịch đơn lẻ, nó bao hàm tất cả những giá trị vật chất và tinh thần chứa đựng trong không gian của điểm

⁵ Đề tài khoa học cấp Trường: “*Dương Đức Minh và Ngô Hoàng Đại Long, Bước đầu xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho các tỉnh phía Nam tỉnh Lâm Đồng, ĐH KHXH&NV TP. HCM, 2010*”.

đến mà có thể thoả mãn nhu cầu của du khách. Tất cả những cảm xúc đơn lẻ và đa dạng đó với những mức độ đóng góp khác nhau của mình, góp nhặt lại sẽ tạo ra ấn tượng, cảm xúc đặc trưng cho du khách về không gian của điểm đến và được gọi là SPDL tổng thể.

Ở đây, SPDL tổng thể của một điểm đến là sự hòa trộn mang tính qui luật của các giá trị tự nhiên và nhân văn, các giá trị vật thể và phi vật thể chứa đựng trong không gian của một điểm đến. SPDL tổng thể sẽ đem lại cho du khách những ấn tượng và cảm xúc đặc trưng nhất về một điểm đến.

Như vậy, SPDL cho Trà Vinh là một “bức tranh tổng thể của điểm đến”, trong đó tài nguyên du lịch nhân văn, trong đó di sản văn hóa nghệ thuật Dù kê đóng vai trò chủ đạo. Còn các yếu tố môi trường và dịch vụ chỉ mang tính phụ trợ, góp phần tô điểm, tôn vinh bản sắc đặc trưng của tài nguyên để tạo ra một sự hài hòa, một sức hút riêng biệt cho điểm đến.

Việc xây dựng SPDL tổng thể cho Trà Vinh hay không gian của điểm đến vùng đất Trà Vinh với các di sản văn hóa như: nghệ thuật Dù kê càng độc đáo, có bản sắc, sẽ tạo được cảm xúc mạnh cho du khách thì càng hấp dẫn và kéo dài được thời gian lưu trú của du khách, khiến du khách nhớ lâu, làm cho du khách muốn quay trở lại và sẽ quảng bá cho điểm đến. Những không gian như vậy sẽ tạo ra được thương hiệu riêng cho điểm đến.

4. Giải pháp khai thác có hiệu quả di sản văn hóa nghệ thuật Dù kê trong phát triển sản phẩm du lịch Trà Vinh

Trước hết, ta cần nghiên cứu, tìm hiểu, kiểm kê các giá trị di sản văn hóa nghệ thuật Dù kê của địa phương. Trên cơ sở đó, giúp các nhà quản lý có căn cứ khoa học để lựa chọn, tìm ra những giá trị đặc sắc, tiêu biểu nhất để có thể biến thành tài nguyên du lịch nhân văn, xây dựng thành một sản phẩm du lịch độc đáo của Trà Vinh, đồng thời đề xuất các chính sách đầu tư, tôn tạo và khai thác di sản văn hóa một cách hợp lý.

Từ các di sản văn hóa ấy, ta xây dựng thành các sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn, đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của du khách trong và ngoài nước đa dạng màu sắc từ tài nguyên tự nhiên, nhân văn, ẩm thực... để du khách có thể lựa chọn và thụ hưởng. Liên kết các tuyến, tour và phối hợp các

loại hình du lịch khác ở địa phương và tỉnh bạn để đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Ví dụ: Tiền Giang có du lịch sông nước miệt vườn ở cù lao Thới Sơn với nghệ thuật Đờn ca Tài tử đưa vào khai thác, thì ở đây có thể tạo nên du lịch văn hóa tìm hiểu về đồng bào Khmer với các loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê. Bên cạnh đó, tăng cường khai thác những yếu tố lịch sử của các chùa chiền cổ Khmer, tâm linh để hình thành những tour du lịch có nội dung phong phú, có chiều sâu văn hóa, giúp du khách nâng cao hiểu biết, bồi bổ kiến thức cho mình.

Chú trọng phát triển du lịch cộng đồng nhằm huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương. Ví dụ: các mô hình du lịch cộng đồng đã thành công như: cù lao Chàm (Quảng Nam), cù lao Thới Sơn (Tiền Giang), A Lưới (Thừa Thiên – Huế)... Du lịch cộng đồng là cách tốt nhất để sử dụng các dịch vụ tại chỗ, phát triển văn hóa địa phương, thúc đẩy nghề truyền thống, kích thích người dân tham gia giữ gìn di sản văn hóa. Đây cũng là hình thức thiết thực nhất tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế, củng cố bình ổn xã hội.

Trong tương lai, khi cầu Cổ Chiên hoàn thành, tuyến đường ven biển QL 60 được thông thương thương thì các địa bàn ven biển, trên các cồn cửa sông như: Long Trị, Long Hòa, Tân Quy... sẽ có nhiều lợi thế để khai thác rất hiệu quả các điều kiện tự nhiên và nhân văn của mình, tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo như: sông nước miệt vườn, homestay với đồng bào Khmer, tham gia các lễ hội địa phương như: lễ dâng bông, tết Chol-chnam-thmay, đua ghe ngo...

Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, để chủ động xúc tiến du lịch, mở rộng thị trường và tạo những sản phẩm liên kết mang tính khu vực và quốc tế, ta cần đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp lẻ hành nước ngoài; tạo các điều kiện và chính sách tốt để khai thác tốt tuyến sông Cổ Chiên.

Bên cạnh đó, nên khuyến khích những sáng kiến mới trong việc giao lưu và quảng bá văn hóa, chú trọng đến mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng đối với du khách nước ngoài. Tăng cường học hỏi kinh nghiệm các nước có du lịch trong khu vực đã thành công. Ví dụ như: Campuchia

đã khai thác các loại hình sân khấu truyền thống để phục vụ khách du lịch trong lúc ăn tối buffet và xem biểu diễn Apsara tại Siêm Riệp rất thu hút du khách.

Nâng cao chất lượng đội ngũ kế thừa các loại hình nghệ thuật độc đáo như: Dù kê nói trên để làm du lịch tại các điểm di sản văn hóa, điều đó có ý nghĩa rất quan trọng. Ví dụ: đào tạo các thế hệ kế cận trong việc kế thừa các loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê để không bị mai một, thiết nghĩ vai trò của Đại học Trà Vinh trong đào tạo nhân lực cho loại hình nghệ thuật trên, lúc này là hết sức cần thiết. Họ có thể trở thành những đại sứ văn hóa đối với du khách nước ngoài, làm cầu nối giữa di sản - công chúng đối với du khách trong nước. Những người làm du lịch, lại am tường văn hóa, lịch sử, địa lý của vùng đất, có cách diễn giải, đam mê nghề sẽ rất thu hút lòng người. Ví dụ như: các nghệ nhân ở làng gốm Bàu Trúc Ninh Thuận, họ biểu diễn nắn, tạo hình gốm với bàn tay nhuần nhuyễn, điều luyện trong những thao tác kỹ thuật thật đẹp mắt rất hấp dẫn với khách du lịch.

Nâng cao nhận thức của đồng bào Khmer về vai trò của di sản văn hóa với nghệ thuật Dù kê trong việc phát triển du lịch, giúp cộng đồng có ý thức hơn trong việc trân trọng và giữ gìn di sản văn hóa dân tộc. Với phương châm lấy văn hóa để phát triển du lịch và ngược lại phát triển du lịch là để bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, qua đó, gia tăng sự ủng hộ và trách nhiệm, ý thức của cộng đồng đối với bảo tồn di sản.

5. Kết luận

Vừa qua, nghệ thuật hát Dù kê của đồng bào Khmer Nam Bộ đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã thông qua danh sách 12 di sản văn hóa phi vật thể dự kiến lập hồ sơ trình UNESCO giai đoạn 2012-2016. Nếu được công nhận, đó sẽ là bộ phận góp phần hình thành nên những sản phẩm đặc trưng của vùng đất Trà Vinh nói riêng và ĐBSCL nói chung sẽ không còn là “*đơn điệu, trùng lặp, kém hấp dẫn*” mỗi khi du khách đến với “*vùng đất Chín Rồng*”, mà nó còn góp phần gìn giữ một loại hình nghệ thuật độc đáo của người dân Khmer vùng châu thổ Cửu Long.

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh. 2011.
 Heath, E., G. Wall. 1992. *Marketing Tourism Destinations*. New York, John Wiley & Sons, Inc.
 Howie, F. 2003. *Managing the Tourist Destination*. Ed. Continuum. London.
 Inskoop, E. 1991. *Tourism Planning*, Toronto, John Wiley & Sons, Inc
 Nghị quyết Trung ương 4 khóa X của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
 Ngô Hoàng Đại Long và Dương Đức Minh. 2010. *Đề tài Nghiên cứu Khoa học cấp Cơ sở: Bước đầu xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho các tỉnh phía Nam tỉnh Lâm Đồng*. Đại Học Khoa học Xã hội & Nhân văn. TP Hồ Chí Minh.
 Phạm Trung Lương. 2000. *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
Tìm hiểu pháp luật: Luật Di sản văn hóa. 2008. NXB Tổng hợp TP HCM. tr 7.
 Trang thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, xem <<http://cema.gov.vn/modules.php?name=News&op=detailsnews&mid=4889>>